

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**TRẦN CÔNG THƯƠNG**

**PHÁP LUẬT VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**  
**QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8 38 01 07**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019**

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	3
4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Kết cấu luận văn .....	4
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái niệm, đặc điểm doanh nghiệp Nhà nước .....	5
1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước .....	5
1.1.2. Đặc điểm: .....	5
1.2. Khái niệm về công ty cổ phần và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước .....	5
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm Công ty cổ phần: .....	5
1.2.2. Khái niệm về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước .....	6
1.2.2.1. Khái niệm và bản chất .....	6
1.2.2.2. Tính tất yếu khách quan của CPH DNNN .....	7
1.2.2.3. Các phương thức cổ phần hoá trên thế giới .....	7
1.2.2.4. Các tác động của CPH DNNN đến nền kinh tế - xã hội .....	7
1.3. Nội dung pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước .....	8
1.3.1. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần hoá .....	8
1.3.1.1. Đối tượng cổ phần hoá: .....	8
1.3.1.2. Điều kiện cổ phần hoá .....	8
1.3.2. Hình thức cổ phần hoá: .....	9
1.3.3. Quy trình tái cơ cấu DNNN để chuyển thành CTCP .....	9
1.3.4. Xác định giá trị doanh nghiệp .....	10
1.4. Các nhân tố khác ảnh hưởng đến CPH DNNN .....	10
1.4.1. Vai trò của Nhà nước đối với CPH DNNN .....	10
1.4.1.1. Vai trò của Nhà nước trong quản lý Nhà nước đối với CPH DNNN .....	10
1.4.1.2. Vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước tại doanh nghiệp .....	10
1.4.2. Vai trò của doanh nghiệp đối với CPH DNNN .....	10
1.4.2.1. Vai trò của lãnh đạo doanh nghiệp .....	10
1.4.2.2. Điều kiện và nguồn lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .....	10
1.4.3. Nhân tố môi trường kinh tế - xã hội .....	10
1.4.4. Trình độ phát triển của thị trường và qui mô khu vực kinh tế tư nhân .....	10
1.4.5. Nhân tố đặc điểm ngành nghề của doanh nghiệp .....	10
Tổng kết chương 1 .....	10
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ .....</b>	<b>11</b>
2.1. Thực trạng các pháp luật về CPH DNNN .....	11
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị .....	13
2.2.1. Tổng quan về tỉnh Quảng Trị .....	13

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.	13
2.2.2.1. Kết quả thực hiện các hình thức sắp xếp, CPH DNNN (từ 2003 đến nay)	13
2.2.2.2. Đối với việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về sử dụng vốn tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp .....	13
Tổng kết chương 2.....	19
<b>CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ .....</b>	<b>20</b>
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN.....	20
3.1.1. Quan điểm của Đảng và Chính quyền địa phương về công tác CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị .....	20
3.1.2. Mục tiêu, định hướng về CPH DNNN của tỉnh Quảng Trị: .....	21
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN trong quá trình cổ phần hóa .	22
3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN .....	22
3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN và thoái vốn nhà nước .....	22
3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.....	23
3.2.2.1. Giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho CPH .....	23
3.2.2.2. Giải pháp về phía doanh nghiệp .....	24
3.3. Kiến nghị .....	24
3.3.1. Kiến nghị về pháp luật về CPH DNNN .....	24
3.3.2. Kiến nghị đối với Tỉnh uỷ, Ban cán Đảng Uỷ ban Nhân dân Tỉnh: .....	24
3.3.3. Kiến nghị đối với các DNNN.....	24
Tổng kết chương 3.....	25
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>26</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết đề tài

Nước ta đang trong quá trình quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa với chủ trương của Đảng và Nhà nước là thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng một nền kinh tế tự chủ nhưng không tách rời xu thế toàn cầu hoá. Một trong những công việc quan trọng trong giai đoạn này là cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước.

Vấn đề đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước luôn là mối quan tâm của Đảng từ năm 1986 đến nay, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã khẳng định “Đẩy mạnh CPH DNNN mà không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả DNNN”. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X, tiếp tục khẳng định “Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN, trọng tâm là CPH”.

Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên chính thức thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới WTO, đây là cơ hội lớn để nền kinh tế Việt Nam hội nhập cùng nền kinh tế thế giới nhưng cũng là thách thức không nhỏ đối với nền kinh tế còn non kém, nhiều bất cập trong cơ chế quản lý của chúng ta hiện nay.

Trong những năm qua, nhiệm vụ đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN được Đảng và Nhà nước thực sự quan tâm và đề ra nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp tích cực. Một trong những nhiệm vụ đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN đó là CPH DNNN.

Thực tiễn hơn hai mươi năm thực hiện chủ trương CPH đã khẳng định, CPH là quá trình đa dạng hoá sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước nhằm thu hút các nguồn vốn và kinh nghiệm tổ chức sản xuất từ các nhà đầu tư và người lao động, phát huy quyền tự chủ kinh doanh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình tích tụ tập trung vốn nhằm hiện đại hoá nền kinh tế.

Hơn thế, vốn của DNNN là tài sản của toàn dân, việc DNNN chậm CPH sẽ gây thất thoát lớn tài sản của Nhà nước cũng như của nhân dân. Do đó phải nhanh chóng CPH để minh bạch tài sản cũng như tạo ra ngày càng nhiều lợi nhuận để đảm bảo cho an sinh xã hội ngày càng được đảm bảo.

Đẩy mạnh CPH và thực hiện thành công việc CPH DNNN là một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay. Một trong những công cụ nhằm đẩy nhanh cả về chất lượng và tiến độ đó là các văn bản quy phạm pháp luật. Nó giữ vai trò chủ đạo đối với sự thành công của việc CPH, định hướng cho quá trình CPH. Là công cụ quan trọng để Nhà nước tăng cường vai trò quản lý của mình.

Quá trình CPH DNNN đã được Đảng và Nhà nước ta triển khai từ hàng chục năm nay. Trong đó, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy và áp dụng các biện pháp để triển khai CPH DNNN nhưng việc thực hiện còn chậm, nhiều lúng túng và bất cập. Cùng với cả nước, tỉnh Quảng Trị đã và đang tiến hành đổi mới, tái cơ cấu các DNNN trực thuộc. Trong những năm qua, tỉnh Quảng Trị đã có nhiều cố gắng trong việc đề ra các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả việc tổ chức triển khai CPH DNNN. Tuy nhiên việc thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, từ nhận định về sự quan trọng và cần thiết của việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, tác giả chọn đề tài nghiên cứu: **Pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị.**

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Vấn đề CPH DNNN đang được sự quan tâm đặc biệt trong lý luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay, cho đến nay vấn đề này đã được đề cập nghiên cứu xem xét trên những nét chung nhất gắn liền với việc phân tích, luận giải những quan điểm và nguyên tắc xây dựng. Trong hơn 20 năm qua đã có rất nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước hướng dẫn việc triển khai thực hiện CPH DNNN, đã có nhiều đề tài khoa học, luận án Tiến sĩ, Thạc sĩ, các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học đề cập, luận giải và nghiên cứu về CPH DNNN. Các công trình nghiên cứu đó đều thống nhất ở sự cần thiết phải thực hiện CPH và hoàn thiện cơ chế chính sách về CPH DNNN. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu, cụ thể như sau:

- Cuốn sách về Cổ phần hoá DNNN những vấn đề lý luận và thực tiễn (PGS. TS. Lê Hồng Hạnh, NXB Chính trị Quốc gia, 2004); Trong cuốn sách, tác giả đề cập đến các khía cạnh đa dạng của DNNN như: DNNN ở các quốc gia và xu thế cải cách DNNN; Những vấn đề lý luận và thực tiễn về DNNN ở Việt Nam; Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về CPH DNNN và hoàn thiện nền tảng pháp lý cho CPH DNNN. Cuốn sách chưa đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường CPH DNNN;

- Cải cách doanh nghiệp (Phan Đức Hiếu, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế, NXB Tài chính, 2003); Cuốn sách tập trung nghiên cứu các mô hình đổi mới của DNNN, gồm các nội dung sau: sắp xếp lại, CPH DNNN; chuyển DNNN thành công ty TNHH một thành viên; giao, bán, khoán, kinh doanh, cho thuê DNNN;

- Cổ phần hoá – Giải pháp quan trọng trong cải cách DNNN (của Ban chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp, NXB Chính trị Quốc gia, 2002). Cuốn sách đã đề cập nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quyết tâm đổi mới DNNN thông qua CPH DNNN và đưa ra một số đánh giá quá trình CPH ở Việt Nam;

- Luận án Tiến sĩ của Nguyễn Ngọc Quang (1994), về một số vấn đề lý luận và thực tiễn cổ phần hoá DNNN. Luận án làm rõ vai trò và điểm ưu việt của hình thái công ty cổ phần trong nền kinh tế thị trường; kinh nghiệm thực tiễn về CPH DNNN ở một số nước trên thế giới.

- Luận văn Thạc sĩ của Hàn Mạnh Thắng (2005), Những vấn đề pháp lý về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước (qua thực tiễn cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước trong quân đội). Luận văn đã đề cập đến vấn đề pháp lý về CPH DNNN, đánh giá được thực trạng CPH và đề xuất một số giải pháp để tiến hành CPH các doanh nghiệp trong quân đội;

- Luận văn Thạc sĩ của Hoàng Thị Hồng Đan (2012), Thi hành pháp luật cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước trong quá trình cổ phần hoá Công ty Supe phốt phát và hoá chất Lâm Thao. Luận văn đã làm rõ thực trạng pháp luật và thực tiễn CPH doanh nghiệp tại Công ty Supe phốt phát và hoá chất Lâm Thao, đề xuất một số giải pháp cho quá trình CPH;

- Báo cáo của Ban chỉ đạo Đổi mới doanh nghiệp Trung ương năm 2015 đã nhận định kết quả CPH DNNN giai đoạn 2011- 2015 còn chậm. Lý do là các Bộ,

ngành, địa phương ban hành chính sách về đổi mới tổ chức quản lý và tái cơ cấu DNNN chưa đạt tiến độ, chưa tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, đặc biệt là CPH. Nhiều doanh nghiệp thuộc diện sắp xếp, CPH có quy mô lớn nên cần thời gian để chuẩn bị, xử lý các tồn tại.

Các bài báo, bài viết khác liên quan đến CPH DNNN đã nêu lên được kinh nghiệm CPH của các nước và của các địa phương, đã nêu sự cần thiết phải tái cấu trúc DNNN. Trình bày một phần về thực trạng CPH DNNN, những ưu điểm tồn tại và hạn chế. Tuy nhiên chưa làm rõ nguyên nhân chậm tiến độ CPH DNNN phụ thuộc vào hệ thống chính sách, pháp luật về CPH DNNN, tổ chức bộ máy làm công tác CPH và chưa khẳng định được bản chất của CPH là tư nhân hoá.

Bên cạnh đó còn nhiều công trình nghiên cứu khác bàn về vấn đề CPH DNNN, các công trình nghiên cứu tập trung vấn đề sự cần thiết phải tái cấu trúc DNNN, làm rõ vai trò của cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước. Đó là tiền đề lý luận để từ đó luận văn nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn CPH DNNN tại tỉnh Quảng Trị để so sánh và tìm ra được những mặt ưu điểm và nhược điểm, thuận lợi và khó khăn của các doanh nghiệp Nhà nước trong quá trình CPH.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Luận văn nghiên cứu đối tượng trong phạm vi sau đây:

- Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và các quy định của pháp luật về CPH DNNN trong quá trình CPH. Bên cạnh đó, tác giả còn đề cập đến thực tiễn áp dụng pháp luật về CPH của các DNNN, đánh giá thực trạng CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị. Từ đó rút ra những giải pháp thiết thực để hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác CPH DNNN qua thực tiễn tỉnh Quảng Trị.

- Về thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động CPH DNNN cũng như áp dụng pháp luật trong khoảng thời gian từ 2005 đến nay.

- Về không gian: Luận văn nghiên cứu hoạt động áp dụng pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tỉnh Quảng Trị.

### **4. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích của Luận văn là nhằm nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc có hệ thống một số vấn đề về CPH DNNN. Trên cơ sở quan điểm về lý luận được nghiên cứu, luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị. Thông qua việc đánh giá những điểm bất cập, tồn tại, Luận văn đề xuất những giải pháp khắc phục theo hướng phù hợp với sự phát triển của tỉnh Quảng Trị nói riêng và trên cả nước nói chung trong bối cảnh hội nhập sâu rộng với Quốc tế và khu vực hiện nay.

Từ những mục đích đặt ra nêu trên, Luận văn tập trung vào các nhiệm vụ chính sau:

*Thứ nhất*, nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về công tác CPH DNNN. Cụ thể là vấn đề về khái niệm, bản chất của hoạt động CPH DNNN.

*Thứ hai*, phân tích, đánh giá thực trạng của pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị, từ đó, làm rõ những mặt được, mặt còn hạn chế, bất cập về CPH DNNN.

*Thứ ba*, luận giải về sự cần thiết về yêu cầu khách quan của việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như hoạt động tổ chức thực hiện CPH DNNN trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và hội nhập Quốc tế hiện nay.

*Thứ tư*, đề xuất các ý kiến sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật hiện hành về CPH DNNN; trên cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật đã nghiên cứu, nhằm đảm bảo sự hoàn thiện và phù hợp hơn của pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị nói riêng và trên cả nước nói chung.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

5.1. Phương pháp luận: Luận văn lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở phương pháp luận của phương pháp nghiên cứu kinh tế; Luận văn dựa vào các quy luật kinh tế và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước làm cơ sở phân tích và đề xuất giải pháp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp.
- Phương pháp thống kê, thu thập thông tin định lượng.
- Phương pháp đối chiếu so sánh

## **6. Kết cấu luận văn**

Luận văn cấu trúc gồm 3 phần: Mở đầu, nội dung và kết luận.

+ **Mở đầu** : Tính cấp thiết của đề tài, tình hình nghiên cứu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu và kết cấu luận văn.

+ **Nội dung** : gồm 03 chương

- Chương 1: Lý luận chung về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước
- Chương 2 : Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
- Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị

+ **Kết luận và kiến nghị**

+ **Tài liệu tham khảo**

+ **Phụ lục**



# Chương 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CỔ PHẦN HOÁ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

### 1.1. Khái niệm, đặc điểm doanh nghiệp Nhà nước

#### 1.1.1. Doanh nghiệp nhà nước

- Theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.”

- Theo Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Điều 4): “Doanh nghiệp Nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”<sup>1</sup>.

Doanh nghiệp Nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp được chi phối; được tổ chức và hoạt động dưới hình thức CTCP hoặc Công ty TNHH (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2017).

- Theo Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc, DNNN được định nghĩa như sau: “DNNN là các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước do Nhà nước kiểm soát có thu nhập chủ yếu từ việc tiêu thụ hàng hoá và cung cấp dịch vụ”.

#### 1.1.2. Đặc điểm:

Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do nhà nước thành lập.

Sở hữu vốn: Nhà nước sở hữu toàn bộ vốn điều lệ 100%.

Trách nhiệm tài sản: DNNN chịu trách nhiệm trong phạm vi tài sản của doanh nghiệp. Nhà nước chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi tài sản góp vốn vào doanh nghiệp.

Tư cách pháp lý: DNNN có tư cách pháp nhân.

#### Vai trò:

*Thứ nhất*, DNNN có vai trò chi phối các lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định và phát triển của đất nước.

*Thứ hai*, DNNN là động lực cho sự phát triển của các doanh nghiệp khác thông qua hiệu quả hoạt động cao trên nền của công nghệ sản xuất hiện đại và hệ thống quản lý tiên tiến.

*Thứ ba*, DNNN là nguồn lực vật chất chủ yếu của Nhà nước. DNNN phải tạo ra sự đóng góp nhất định cho ngân sách Nhà nước.

*Thứ tư*, DNNN là mẫu mực trong việc giải quyết các chính sách xã hội như chính sách việc làm, trợ cấp xã hội.

### 1.2. Khái niệm về công ty cổ phần và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

#### 1.2.1. Khái niệm và đặc điểm Công ty cổ phần:

Công ty cổ phần là một thể chế kinh doanh, một loại hình doanh nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển bởi sự góp vốn của nhiều cổ đông. Trong công ty cổ phần, vốn điều lệ được chia nhỏ thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Các cá nhân hay tổ chức sở hữu cổ phần được gọi là cổ đông. Cổ đông được cấp một giấy chứng nhận sở hữu cổ phần gọi là cổ phiếu, chỉ có CTCP mới được phát hành cổ phiếu.

---

<sup>1</sup> Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014), Luật Doanh nghiệp, tr.2

### **Đặc điểm**

Vốn điều lệ của CTCP được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; người chủ sở hữu vốn cổ phần gọi là cổ đông; mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phần. Giá trị mỗi cổ phần được phản ánh bằng cổ phiếu. Một cổ phiếu có thể phản ánh giá trị của một hay nhiều cổ phần.

Công ty cổ phần có thể phát hành nhiều loại cổ phần, trong đó có cổ phần phổ thông.

Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp đó là cổ phần ưu đãi biểu quyết và cổ phần của cổ đông sáng lập đăng ký kinh doanh.

Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn góp công ty.

Công ty được quyền phát hành chứng khoán các loại ra công chúng để huy động vốn.

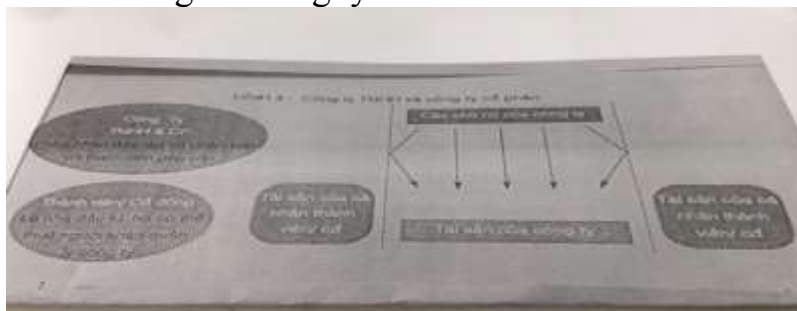
Số lượng cổ đông của CTCP tối thiểu là ba và không hạn chế số lượng tối đa.

**Hình thái CTCP trên thế giới:** gồm 03 hình thái công ty cổ phần.

**Vai trò của Công ty cổ phần, gồm:**

CTCP góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn; CTCP cho phép xác nhận quyền sở hữu về tài sản của người chủ sở hữu và xác định rõ vốn của mỗi cổ đông thông qua số cổ phiếu mà họ nắm giữ; có khả năng phối hợp với các lực lượng kinh tế khác nhau, duy trì được mối quan hệ kinh tế giữa các thành viên; CTCP là kênh huy động vốn tối ưu thông qua phát hành cổ phiếu.

Biểu đồ 1.1: So sánh giữa Công ty TNHH và CTCP



( Nguồn: Tài liệu tập huấn Luật Doanh nghiệp năm 2014  
– Cục phát triển doanh nghiệp, Bộ KH&ĐT<sup>2</sup>)

### **1.2.2. Khái niệm về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước**

#### **1.2.2.1. Khái niệm và bản chất**

**Khái niệm:** CPH DNNN là quá trình chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó có sở hữu của người lao động trong doanh nghiệp và sở hữu của các tổ chức, cá nhân khác, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

#### **Bản chất:**

- Xét ở bản chất pháp lý, CPH là việc biến doanh nghiệp thành doanh nghiệp của nhiều chủ, tức là chuyển từ hình thức sở hữu đơn nhất sang sở hữu chung thông qua việc chuyển một phần tài sản của doanh nghiệp cho những người khác.

<sup>2</sup> Cục phát triển Doanh nghiệp, Bộ KH&ĐT (2015), Tài liệu tập huấn Luật Doanh nghiệp 2014, Hà Nội, tr.25

- *Xét về mặt hình thức*, CPH là việc Nhà nước bán một phần hay toàn bộ giá trị vốn của mình trong doanh nghiệp cho các tổ chức hoặc tư nhân trong và ngoài nước hoặc cho cán bộ quản lý và lao động của doanh nghiệp bằng đấu giá công khai hay thông qua thị trường chứng khoán để hình thành các CTCP.

- *Xét về mặt thực chất*, CPH chính là phương thức xã hội hoá sở hữu, chuyển hình thái kinh doanh với một chủ sở hữu Nhà nước trong doanh nghiệp thành CTCP với nhiều chủ sở hữu để tạo ra một mô hình doanh nghiệp phù hợp với nền kinh tế thị trường và đáp ứng được yêu cầu kinh doanh hiện đại.

#### 1.2.2.2. *Tính tất yếu khách quan của CPH DNNN*

- Cổ phần hoá DNNN phù hợp với quy luật phát triển, xu hướng thế giới.  
- Do tính ưu việt của loại hình CTCP so với các loại hình doanh nghiệp khác.

- Yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các DNNN trong nền kinh tế

- Ngân sách Nhà nước của các quốc gia ngày càng hạn hẹp.

#### 1.2.2.3. *Các phương thức cổ phần hoá trên thế giới*

Trong phạm vi nghiên cứu về CPH DNNN, có ba phương pháp được các nước áp dụng nhiều nhất, trong đó Nhà nước bán một phần hay toàn bộ cổ phần trong doanh nghiệp.

#### **Bán cổ phần cho những người quản lý và lao động trong doanh nghiệp**

Phương pháp này thường được thực hiện đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Ngoài tác dụng đa dạng hóa sở hữu doanh nghiệp, nó còn tạo ra sự khuyến khích lớn đối với việc tăng năng suất lao động, đồng thời cũng là cách giải quyết vấn đề lao động trong trường hợp doanh nghiệp sắp bị giải thể.

#### **Bán cổ phần cho công chúng**

Đó là việc Nhà nước bán một phần hay toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước trong doanh nghiệp cho công chúng.

Việc bán cổ phần cho công chúng đòi hỏi doanh nghiệp phải có tỷ lệ sinh lợi hấp dẫn, phải có đầy đủ các thông tin để thông báo công khai trên thị trường chứng khoán và có cơ chế để thu hút các nguồn đầu tư trong xã hội.

**Bán cổ phần cho tư nhân:** Thực hiện phương pháp này có nghĩa là Nhà nước bán một phần hay toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước cho một số cá nhân hay một nhóm nhà đầu tư tư nhân thông qua đấu thầu có tính cạnh tranh, hoặc bán cho những người mua đã được định trước.

#### 1.2.2.4. *Các tác động của CPH DNNN đến nền kinh tế - xã hội*

- **Cổ phần hóa với tăng trưởng kinh tế**

- **Cổ phần hóa với sự phát triển của thị trường chứng khoán**

Sự hình thành và phát triển của các CTCP là điều kiện tiên đề để hình thành và phát triển thị trường chứng khoán. CPH DNNN sẽ tác động mạnh đến thị trường chứng khoán.

*Thứ nhất*, sự tồn tại của thị trường chứng khoán làm tăng số lượng cổ đông tiềm tàng cho các DNNN CPH. Chứng khoán với tính thanh khoản cao sẽ phát huy tác dụng trong việc huy động vốn nhàn rỗi của xã hội.

*Thứ hai*, các công ty chứng khoán đóng vai trò lớn trong việc trợ giúp DNNN đã CPH ở khía cạnh tư vấn, bảo lãnh phát hành cổ phần và giao dịch chứng khoán. Các công ty chứng khoán còn giúp xác định chính xác hơn giá trị

của DNNN CPH vì giá trị các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán được quyết định bởi các quy luật cung cầu.

*Thứ ba*, sự tham gia vào thị trường chứng khoán buộc các CTCP phải thực hiện chế độ kế toán minh bạch, phải công bố với các cổ đông và công chúng về tình hình sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và kế hoạch phát triển công ty.

**- Cổ phần hóa với các vấn đề xã hội**

CPH DNNN tác động đến các vấn đề xã hội ở nhiều phương diện, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nhiều đối tượng xã hội và làm phát sinh những mối quan hệ mới. Ảnh hưởng CPH có thể tích cực song cũng có thể chứa đựng những yếu tố tiêu cực nếu không xử lý đúng, cụ thể:

*Một trong những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của CPH là người lao động*, mục tiêu của chính sách CPH là thay đổi cơ cấu quản lý doanh nghiệp cho hợp lý và hiệu quả hơn, bao gồm cả việc sắp xếp lại quy trình sản xuất, kinh doanh.

**- Tác động tích cực của CPH DNNN đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

*CPH tạo ra doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu*

*CTCP tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp*

*CTCP tạo cho doanh nghiệp cơ chế quản lý năng động, linh hoạt*

**1.3. Nội dung pháp luật về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước**

**1.3.1. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần hoá**

**1.3.1.1. Đối tượng cổ phần hoá:**

Xuất phát từ thể chế chính trị, lịch sử để phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện kinh tế nước ta, đối tượng thực hiện CPH là những DNNN. Tuỳ theo từng giai đoạn phát triển KT-XH cũng như mục tiêu CPH DNNN, chính phủ sẽ quyết định lựa chọn các đối tượng CPH cụ thể.

**Đối tượng cổ phần hoá** được quy định tại Điều 2, Nghị định 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ<sup>3</sup>, cụ thể:

*Thứ nhất*, Cơ quan đại diện chủ sở hữu

*Thứ hai*, Doanh nghiệp nhà nước bao gồm:

- Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước (kể cả Ngân hàng Thương mại nhà nước), Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

- Công ty TNHH MTV độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa chuyển thành công ty TNHH MTV.

*Thứ ba*, Công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp II).

*Thứ tư*, Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc chuyển DNNN thành công ty cổ phần.

**1.3.1.2. Điều kiện cổ phần hóa**

Các doanh nghiệp trên thực hiện cổ phần hóa khi đảm bảo đủ 02 điều kiện, cụ thể là:

---

<sup>3</sup> Chính phủ (2017), Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 “về chuyển DNNN thành CT TNHH MTV do Nhà nước làm chủ đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

**Một là**, Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ. Danh mục doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ;

**Hai là**, còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

**\* Xác định đối tượng mua cổ phần và cơ cấu phân chia cổ phần**

Các đối tượng được phép mua cổ phần đó là: các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài định cư ở Việt Nam trong đó cán bộ công nhân viên tại các doanh nghiệp có thể là đối tượng ưu tiên mua cổ phần.

Về số lượng cổ phần được mua có thể thay đổi theo quy định cụ thể trong các giai đoạn khác nhau của tiến trình CPH.

**Đồng tiền thanh toán và phương thức bán cổ phần lần đầu**

- Các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mua cổ phần của doanh nghiệp bằng đồng Việt Nam.

- Việc bán cổ phần lần đầu được thực hiện theo các phương thức quy định tại Nghị định này, cụ thể:

- + Đấu giá công khai;
- + Bảo lãnh phát hành;
- + Thỏa thuận trực tiếp;
- + Phương thức dựng sổ (Booking building).

**1.3.2. Hình thức cổ phần hoá:**

Từ thực tiễn triển khai CPH các DNNN thì có ba hình thức CPH. Theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định có 3 hình thức cổ phần hóa gồm:

(i) Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

(ii) Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

(iii) Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều

**1.3.3. Quy trình tái cơ cấu DNNN để chuyển thành CTCP**

Được quy định cụ thể tại Điều 5, Thông tư số 69/2018/TT-BTC ngày 08/8/2018 của Bộ Tài chính, cụ thể gồm có 03 bước:

Bước 1. Xây dựng phương án tái cơ cấu

a) Triển khai kế hoạch chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần

- Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá/tái cơ cấu và Tổ giúp việc.

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu.

- Phê duyệt dự toán chi phí CPH, quyết định lựa chọn tư vấn CPH.

- Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

- Quyết định việc đề nghị Công ty Mua bán nợ tham gia tái cơ cấu.

b) Xây dựng phương án tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Bước 2. Tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu

Bước 3. Hoàn tất việc chuyển DNNN thành công ty cổ phần.

a) Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp.

b) Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp và công ty cổ phần.

#### **1.3.4. Xác định giá trị doanh nghiệp**

Xác định giá trị doanh nghiệp là việc điều tra chi tiết và đánh giá các hoạt động của công ty nhằm xác định giá trị hiện hữu và tiềm năng của một doanh nghiệp.

Về nguyên tắc, giá trị của doanh nghiệp được tính đầy đủ cả ba yếu tố: tài sản hiện có, lợi thế kinh doanh và khả năng sinh lời.

Có 02 nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp.

*Thứ nhất*, giá trị thực tế là giá toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm CPH mà người mua, người bán cổ phần đều chấp thuận được. Trên cơ sở xác định được giá trị của doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp sẽ là phần còn lại của giá trị thực tế sau khi đã trừ đi các khoản nợ phải trả.

*Thứ hai*, cơ sở xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp là số liệu trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm CPH và giá trị thực tế của tài sản doanh nghiệp được xác định trên cơ sở hiện trạng về phẩm chất, tính năng kỹ thuật, nhu cầu sử dụng của người mua tài sản và giá trị thị trường tại thời điểm CPH.

#### **1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến CPH DNNN**

##### **1.4.1. Vai trò của Nhà nước đối với CPH DNNN**

*1.4.1.1. Vai trò của Nhà nước trong quản lý Nhà nước đối với CPH DNNN*

*1.4.1.2. Vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp Nhà nước và vốn Nhà nước tại doanh nghiệp*

##### **1.4.2. Vai trò của doanh nghiệp đối với CPH DNNN**

*1.4.2.1. Vai trò của lãnh đạo doanh nghiệp*

*1.4.2.2. Điều kiện và nguồn lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp*

##### **1.4.3. Nhân tố môi trường kinh tế - xã hội**

##### **1.4.4. Trình độ phát triển của thị trường và quy mô khu vực kinh tế tư nhân**

##### **1.4.5. Nhân tố đặc điểm ngành nghề của doanh nghiệp**

### **Tổng kết chương 1**

Chương 1 của Luận văn đã nghiên cứu và đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật CPH DNNN; nêu được những khái niệm cơ bản về Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty cổ phần, Cổ phần hoá, Cổ phần hoá DNNN, nội dung về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước.

Việc cổ phần hoá DNNN là phù hợp với quy luật phát triển, xu hướng của thế giới và do sự thay đổi về vai trò của Nhà nước trong nền KTTT. Ngoài ra còn xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền Kinh tế.

Từ khái niệm về DNNN, CTCP, CPH DNNN tác giả đã trình bày được tính tất yếu khách quan và các nội dung về CPH DNNN.

Qua phân tích cơ sở lý luận và những vấn đề tác giả đã trình bày ở chương 1, cho thấy cơ sở lý luận nêu trên là cần thiết, làm cơ sở cho việc nghiên cứu đánh giá thực trạng pháp luật về CPH các DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị ở Chương 2.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

#### 2.1. Thực trạng các pháp luật về CPH DNNN

Thực hiện cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vấn đề đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN luôn là mối quan tâm của Đảng và Nhà nước. Đây chính là cơ sở là yếu tố quan trọng nhất để nhà nước ban hành các quy định liên quan đến CPH DNNN. Cùng với chủ trương CPH DNNN thì việc ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quy định, điều chỉnh về CPH DNNN cũng được tiến hành và kết quả là sự ra đời của một số văn bản quy phạm pháp luật mang tính hướng dẫn, điều chỉnh thực hiện.

Có thể thấy quá trình CPH ở nước ta được bắt đầu với chương trình thử nghiệm vào năm 1992 bằng Quyết định số 202-CT ngày 08/06/1992 và Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 13/5/2004. Trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và đặc biệt là khi Việt Nam gia nhập WTO, nhận thấy cần thiết phải có giải pháp CPH mạnh hơn, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2007/NĐ-CP. Năm 2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần. Cùng với đó là việc thành lập và chính thức hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) có nhiệm vụ bán cổ phần tại các DNNN. Ngày 16/11/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định 126/2017/NĐ-CP “*về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần*”. (Thay thế cho Nghị định Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP Nghị định số 116/2015/NĐ-CP). Cho đến thời điểm này, các văn bản pháp luật đã quy định khá đầy đủ, bao trùm trong hoạt động CPH: như quy định về đối tượng, hình thức, quy trình CPH.

**Về đối tượng, điều kiện cổ phần hoá:** Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đã bổ sung đối tượng áp dụng là “các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do DNNN đầu tư 100% vốn điều lệ” (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp II).

Thực tế quá trình chuyển các doanh nghiệp cấp II sang CTCP đều phải thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại các Nghị định về CPH DNNN, vì vậy, Nghị định đã bổ sung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng gồm cả các doanh nghiệp cấp II thuộc đối tượng CPH.

Để khắc phục hạn chế trên, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định rõ:

*Thứ nhất*, Tiêu chí gắn với trách nhiệm và chế tài bảo đảm thực hiện cam kết đối với cổ đông chiến lược. Theo đó, nhà đầu tư đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược phải có các điều kiện như:

- (i) có đủ tư cách pháp nhân;
- (ii) có năng lực tài chính và có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất phải có lãi, không có lỗ lũy kế;
- (iii) có cam kết bằng văn bản khi đăng ký trở thành nhà đầu tư chiến lược trong việc: tiếp tục duy trì ngành nghề kinh doanh chính và thương hiệu của doanh nghiệp CPH trong thời gian ít nhất ba năm; Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn ba năm; có phương án hỗ trợ doanh nghiệp sau CPH

trong việc chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, ...; các nghĩa vụ bồi thường khi vi phạm cam kết đã ký.

*Thứ hai*, Quy định rõ quy trình bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược phải thực hiện sau cuộc bán đấu giá công khai với giá bán không thấp hơn giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai và phải *hoàn thành trước thời điểm Đại hội đồng cổ đông lần đầu để chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần*. Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi CPH theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Việc bán cổ phần lần đầu được thực hiện theo các phương thức quy định tại Điều 7, Nghị định 126/2017. Nghị định số 126/2017/NĐ-CP đã bổ sung thêm phương pháp mới là phương pháp dựng sổ (Booking building). Phương thức dựng sổ để bán cổ phần này là một phương thức phổ biến trên thế giới cần được nghiên cứu áp dụng trong quá trình CPH. Phương pháp dựng sổ là quá trình tạo lập, tiếp nhận và ghi lại câu cổ phiếu của nhà đầu tư, tổ chức phát hành sẽ thực hiện chào bán ra công chúng thông qua bảo lãnh phát hành. Theo đó, tổ chức bảo lãnh phát hành phối hợp với tổ chức phát hành xác định khoảng giá dự kiến và dựa vào nhu cầu của thị trường trên cơ sở dựng sổ lệnh về nhu cầu nhà đầu tư để xác định mức giá cuối cùng.

Về xử lý đất đai và xác định giá trị quyền sử dụng đất trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá. Đây có thể coi là vấn đề được quan tâm nhất trong quá trình CPH trong thời gian qua. Nghị định số 126/2017/NĐ-CP tiếp tục hướng dẫn việc xác định giá đất cụ thể (cả thuê và giao) theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, căn cứ giá đất cụ thể do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi doanh nghiệp có diện tích đất được giao và thuê) công bố, doanh nghiệp CPH có trách nhiệm tính vào giá trị doanh nghiệp và nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định phương án sử dụng đất của doanh nghiệp phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng tại địa phương trước khi tổ chức thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp sẽ đảm bảo ngăn ngừa tình trạng doanh nghiệp lợi dụng tiếp tục nắm giữ, “ôm” lại toàn bộ diện tích đất đang quản lý mặc dù chưa phù hợp ngành nghề kinh doanh, mục đích sử dụng đất cũng như quy hoạch của địa phương.

Đồng thời, để tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP quy định rõ CTCP được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước phải thực hiện quản lý và sử dụng đất của doanh nghiệp theo đúng mục đích, đúng phương án sử dụng của toàn bộ diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**Xử lý về tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp** được quy định cụ thể tại Điều 7, Thông tư số 41/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**Xử lý tài chính ở thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần** được quy định tại Điều 21, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP của Chính phủ.



## **2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

### **2.2.1. Tổng quan về tỉnh Quảng Trị<sup>4</sup>**

Quảng Trị là một tỉnh nằm ở phía Bắc miền Trung của nước ta; phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp tỉnh Savanakheth và Salavan nước CHDCND Lào.

Quảng Trị là điểm khởi đầu trên con đường Xuyên Á nối Việt Nam với các nước trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ. Các di tích văn hóa lịch sử được quan tâm đầu tư tôn tạo, các khu du lịch được quy hoạch xây dựng. Các khu công nghiệp, khu kinh tế được hình thành.

Quảng Trị có lợi thế về địa lý - kinh tế, là đầu mối giao thông, nằm ở trung điểm đất nước, ở vị trí quan trọng - điểm đầu trên tuyến đường huyết mạch chính của hành lang kinh tế Đông - Tây nối với Lào - Thái Lan - Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo đến các cảng biển Miền Trung như: Cửa Việt, Chân Mây, Đà Nẵng, Vũng Áng... Đây là điều kiện rất thuận lợi để Quảng Trị mở rộng hợp tác kinh tế trong khu vực, giao thương hàng hóa, vận tải quốc tế, phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch.

### **2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*2.2.2.1. Kết quả thực hiện các hình thức sắp xếp, CPH DNNN (từ 2003 đến nay)*

- Tổng số DNNN đã thực hiện các hình thức sắp xếp, cổ phần hóa 58 doanh nghiệp<sup>5</sup>, trong đó:

- + Cổ phần hóa: 27 doanh nghiệp;
- + Chuyển thành Công ty TNHH MTV: 09 doanh nghiệp (Sắp xếp, chuyển đổi 04 Lâm trường quốc doanh thành 01 đơn vị sự nghiệp và 03 Công ty TNHH MTV);
- + Giao doanh nghiệp: 01 doanh nghiệp;
- + Giải thể: 04 doanh nghiệp;
- + Phá sản: 01 doanh nghiệp;
- + Sáp nhập: 01 doanh nghiệp;
- + Hợp nhất: 06 doanh nghiệp;
- + Chuyển sang đơn vị có thu: 05 doanh nghiệp.

*2.2.2.2. Đối với việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về sử dụng vốn tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp*

#### **\* Đối với doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước**

Giai đoạn 2011-2016, UBND tỉnh Quảng Trị quản lý 10 Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu<sup>6</sup>, đó là:

- Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Trị;
- Công ty TNHH MTV quản lý và khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị;

<sup>4</sup> <https://khai-quat-chung-ve-tinh-hinh-kt-xh-tinh-quang-tri>

<sup>5</sup> UBND tỉnh Quảng Trị (2018), Báo cáo về tổng kết chuyển đổi và CPH DNNN.

<sup>6</sup> Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Trị, Báo cáo số 30/BC-ĐDBQH ngày 14/3/2018

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải;
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải;
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9;
- Công ty TNHH MTV Cấp nước & Xây dựng Quảng Trị;
- Công ty TNHH MTV Môi trường & Đô thị Đông Hà;
- Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị;
- Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn;
- Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt.

Trong giai đoạn 2011-2016, có 04 doanh nghiệp đã hoàn thành việc cổ phần hóa, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Cấp nước & Xây dựng Quảng Trị;
- Công ty TNHH MTV Môi trường & Đô thị Đông Hà;
- Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị;
- Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn.

Sau khi tiến hành CPH DNNN, tính đến thời điểm 31/12/2017, có 06 doanh nghiệp Nhà nước có 100% vốn Nhà nước thuộc quản lý của UBND tỉnh Quảng Trị chưa tiến hành CPH, gồm:

Các doanh nghiệp đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước một cách nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật.

i) Quy mô, cơ cấu nguồn vốn tại một số doanh nghiệp.

TT	Tên doanh nghiệp	Ngành nghề/linh vực kinh doanh	Quy mô vốn điều lệ (triệu đồng)
01	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Trị	Xô số kiến thiết	18.414
02	Công ty TNHH MTV quản lý và khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị	Tưới tiêu phục vụ nông nghiệp	991.911
03	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải	Trồng và Chăm sóc rừng	16.917
04	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải	Trồng và Chăm sóc rừng	11.690
05	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9	Trồng và Chăm sóc rừng	6.598
06	Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt	Dịch vụ Cảng biển	30.000

ii) Việc quản lý, sử dụng tài sản tại doanh nghiệp: Các doanh nghiệp thực hiện đúng chế độ quản lý và sử dụng vốn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.

iii) Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành nghề chính: Phần lớn các doanh nghiệp có thu và lợi nhuận thực hiện đạt hoặc vượt mức kế hoạch được UBND tỉnh giao hằng năm.

iv) Hiệu quả hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Các doanh nghiệp không đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp và đầu tư ra nước ngoài.

v) Việc chuyển nhượng, thu hồi vốn, thu hồi lợi nhuận, cổ tức chia từ khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: Không thực hiện.

vi) Việc ban hành quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp: Các doanh nghiệp đã ban hành quy chế nội bộ đúng quy định.

vii) Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: được thực hiện kịp thời theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016.

viii) Việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các nguồn quỹ của doanh nghiệp: Tất cả các doanh nghiệp đều nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các loại quỹ của doanh nghiệp theo đúng quy định.

**\* Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước có một phần vốn góp**

Hiện nay, Ban Chỉ đạo CPH tỉnh đang tiến hành đôn đốc, hướng dẫn các Công ty xây dựng và triển khai kế hoạch thoái vốn Nhà nước giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, lộ trình cụ thể như sau:

- Công ty CP nước sạch Quảng Trị khẩn trương hoàn thiện các thủ tục còn lại để hoàn thành việc thoái vốn kế hoạch của 02 năm 2017 và 2019 (tỉ lệ thoái vốn là 43,52%);

- Công ty CP Tân Hưng và Công ty CP Quản lý và xây dựng Quảng Trị tiến hành thoái hết phần vốn Nhà nước;

- Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị tiến hành thoái vốn tối thiểu 28,66%;

- Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà (tỉ lệ thoái vốn là 19,36%). Do phần vốn Nhà nước còn lại ít (khoảng 1,8 tỉ đồng). Vì vậy, Công ty thực hiện thoái hết phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (53,38%).

Cụ thể về tình hình CPH DNNN qua thực tiễn tại Quảng Trị, giai đoạn 2011-2016, cụ thể như sau:

a) Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không nắm giữ vốn điều lệ

- Công ty TNHH MTV Đông Trường Sơn đang chuyển thành Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị, nhà nước không nắm giữ cổ phần;

- Công ty Cổ phần Tân Hưng, nhà nước nắm giữ 30% cổ phần;

- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Quảng Trị, nhà nước nắm giữ 30% cổ phần.

b) Nhà nước nắm trên 50% vốn điều lệ đối với 03 công ty sau cổ phần hóa:

- Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị đã chuyển đổi thành Công ty CP Tổng công ty Thương mại Quảng Trị (nhà nước nắm giữ 57,33% cổ phần);

- Công ty TNHH MTV Cấp nước & Xây dựng Quảng Trị đã chuyển sang Công ty CP nước sạch Quảng Trị (nhà nước nắm giữ 94,43%);

- Công ty TNHH MTV Môi trường & Đô thị Đông Hà đã chuyển sang Công ty Cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà (nhà nước nắm giữ 55,38% cổ phần).

c) Duy trì doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, gồm 02 doanh nghiệp:

- Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Trị;

- Công ty TNHH MTV Quản lý và khai thác công trình thủy lợi.

d) Đang tổ chức CPH:

Về tình hình thực hiện CPH các doanh nghiệp, hiện nay toàn tỉnh có 06 doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, gồm: Công ty TNHH MTV Cảng Cửa Việt;

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Trị; Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đường 9. Trong đó, Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Trị và Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác công trình thủy lợi chưa thuộc đối tượng thực hiện CPH. Có 03 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp của tỉnh mặc dù chưa thuộc danh mục doanh nghiệp phải CPH trong giai đoạn 2017 - 2020 theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên tỉnh Quảng Trị đã khẩn trương triển khai thực hiện việc CPH nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các lâm trường. Tỉnh đã thành lập các Ban chỉ đạo và ban hành kế hoạch, lộ trình CPH cụ thể với từng công ty. Ban chỉ đạo CPH của 03 Công ty Lâm trường đã rất tích cực trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc quyết liệt các công tác liên quan đến CPH như tuyên truyền, giải thích các chủ trương, chính sách CPH cho người lao động, chỉ đạo công tác rà soát đất đai, tài sản trên đất, đánh giá, xác định giá trị doanh nghiệp và xây dựng phương án CPH... Theo đó, tỉnh quyết tâm hoàn thành công tác CPH 03 doanh nghiệp nói trên trong 02 năm 2018 - 2019.

Sau khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo mô hình hoạt động mới, hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh được cải thiện đáng kể, đạt hiệu quả cao và đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

- Công ty CP Minh Hưng: Trước khi CPH, thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng giảm, hàng tồn kho lớn; dây chuyền sản xuất xi măng (lò đứng) công nghệ lạc hậu, sản phẩm sản xuất ra giá thành cao, khó cạnh tranh, ảnh hưởng đến môi trường... Sau CPH, Công ty CP Minh Hưng đã đầu tư thay đổi công nghệ, chuyển sang ký hợp đồng gia công sản phẩm xi măng Sông Gianh, bước đầu có những chuyển biến tích cực. Công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có nhiều khởi sắc, sản phẩm xi măng và gạch tuynel được sản xuất và tiêu thụ cơ bản đạt kế hoạch; lao động vẫn duy trì đúng theo phương án CPH, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động; thực hiện tốt nghĩa vụ ngân sách đối với Nhà nước; thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động, chấm dứt tình trạng thua lỗ như trước lúc chưa CPH. Doanh thu lao động năm 2016 đạt 126 tỷ đồng, tăng 13 tỷ so với năm 2015; thực hiện nộp ngân sách 06 tỷ đồng, tăng 0,5 tỷ đồng so với năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người lao động đạt 4,5 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị, sau khi thực hiện việc sắp xếp đổi mới doanh nghiệp, công ty đã khẩn trương tổ chức các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và thu được nhiều kết quả khả quan. Doanh thu năm 2016 đạt 730 tỷ đồng, tăng 25 tỷ đồng so với năm 2015; lợi nhuận năm 2016 đạt 15 tỷ đồng, tăng 01 tỷ so với năm 2015; thực hiện nộp ngân sách 34 tỷ đồng, tăng 02 tỷ so với năm 2015; thu nhập người lao động đạt bình quân 8 triệu đồng/người/năm.

- Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/4/2016, sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình mới, Công ty đã có nhiều nỗ lực nhằm kiện toàn bộ máy, ổn định tổ chức, tích lũy đầu tư, tập trung sản xuất kinh doanh nhờ đó đạt được kết quả đáng ghi nhận. Năm 2016 tổng giá trị sản lượng đạt 126,9 tỷ đồng, tăng 6,7% so với kế hoạch năm và tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2015, lợi nhuận đạt 9,6 tỷ đồng, nộp ngân sách 5,6 tỷ đồng, vượt

17,8% so với kế hoạch; thu nhập bình quân người lao động đạt 9,3 triệu đồng/người/tháng.

- Công tác thực hiện chính sách cho người lao động như hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm, an toàn vệ sinh lao động... tại các doanh nghiệp cơ bản được đảm bảo; tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp nhà nước không giữ cổ phần chi phối chưa thực hiện nghiêm túc việc mua bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo thực hiện quy trình thủ tục CPH: Định giá tài sản doanh nghiệp, tiêu chí lựa chọn và chính sách bán cổ phần cho các tổ chức công đoàn, người lao động trong doanh nghiệp. Việc phê duyệt phương án CPH; ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện; kiểm tra đôn đốc quá trình tiến hành CPH... được Ban Chỉ đạo sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp triển khai, đôn đốc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về CPH.

UBND tỉnh Quảng Trị ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, đôn đốc các quá trình tiến hành CPH đồng thời kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý vốn, tài sản nhà nước trong quá trình CPH nhằm ngăn chặn thất thoát vốn nhà nước.

UBND tỉnh thực hiện đúng chức năng đại diện chủ sở hữu sau CPH, tách chức năng đại diện chủ sở hữu với chức năng quản lý doanh nghiệp.

Các thành viên Ban chỉ đạo sắp xếp đổi mới doanh nghiệp luôn có đại diện lãnh đạo Sở LĐ, TB&XH và Liên đoàn Lao động tỉnh nhằm phát huy tối đa chức năng phối hợp, giám sát bảo đảm quyền lợi của người lao động, lợi ích xã hội.

Chính sách bán cổ phần ưu đãi cho người lao động: Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH được ưu tối đa 100% cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

Để đẩy nhanh tiến trình CPH DNNN, ở cấp tỉnh, chính quyền địa phương cần quyết liệt tổ chức thực hiện thoái vốn Nhà nước theo tiến độ đã được phê duyệt theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020. Về khuôn khổ pháp lý, cần hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách phục vụ cho quá trình cơ cấu lại DNNN.

#### **\* Những khó khăn, bất cập**

Vướng mắc, bất cập lớn nhất trong việc quản lý sử dụng vốn của DNNN, nhất là các DNNN nắm giữ 100% vốn điều lệ là mất cân đối về tài chính.

- Nhìn chung, còn một số doanh nghiệp sau khi CPH có kết quả sản xuất kinh doanh thấp, trong đó nguyên nhân chủ yếu là hoạt động trong những ngành, lĩnh vực điều kiện khó khăn, công nghệ lạc hậu, lại không được xử lý dứt điểm những tồn tại về tài chính khi CPH.

- Công tác CPH ở một số đơn vị đang chậm so với yêu cầu do chính sách CPH còn có bất cập, ảnh hưởng đến tiến độ CPH như: Cơ chế định giá, phương pháp xác định giá khởi điểm, xác định giá quyền sử dụng đất, tính toán giá trị lợi thế kinh doanh, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược...

- Số lượng doanh nghiệp CPH nhiều nhưng giá trị vốn Nhà nước bán cho các nhà đầu tư còn thấp, chưa đạt mục tiêu thu hút đầu tư xã hội vào doanh nghiệp.

- Sau khi DNNN chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, quy định của pháp luật và cơ chế chính sách chưa được ban hành đầy đủ và đồng bộ (như các quy định pháp luật về thoái vốn còn chung chung...) Một số cơ chế chính sách chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời, phù hợp với điều kiện mới.

- Việc CPH các Công ty Lâm nghiệp gặp nhiều khó khăn trong quá trình kinh doanh, xử lý đất đai do việc chồng lấn, lấn chiếm, tranh chấp... với nhiều hộ dân có rừng trồng trên đất của các công ty Lâm nghiệp.

- Sau CPH, một số lao động không đáp ứng được quy trình sản xuất hoặc điều kiện làm việc mới nên đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Một số doanh nghiệp sau khi CPH, tỷ lệ vốn Nhà nước còn cao như ở Công ty CP nước sạch Quảng Trị (Nhà nước nắm giữ 94,43% cổ phần bán cho người lao động 5,57%, không bán được ra ngoài và không có cổ đông chiến lược), Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương Mại Quảng Trị (Nhà nước chiếm giữ 55,38% cổ phần), Công ty cổ phần Môi trường và Đô thị Đông Hà (Nhà nước chiếm giữ 55,38%)... nên sau CPH chưa tạo được đột phá mới.

- Hầu hết các công đoàn cơ sở không có kinh phí của Tổ chức công đoàn để mua cổ phần tại doanh nghiệp, tham gia quản lý doanh nghiệp với tư cách cổ đông và tổ chức thực hiện bảo vệ quyền lợi người lao động trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật được điểm d, khoản 5, Điều 45, Nghị định số 126/2017/NĐ-CP. Do nguồn kinh phí Công đoàn chỉ đủ chi hoạt động thường xuyên, vì vậy, tổ chức Công đoàn cơ sở không được tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do không có phần vốn tham gia theo quy định của pháp luật.

- Sau khi CPH do Công đoàn cơ sở không tham gia vào HĐQT nên việc đại diện của Tổ chức công đoàn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích của người lao động có phần hạn chế. Một số doanh nghiệp sau khi CPH chỉ quan tâm đến Đại hội cổ đông thường niên chưa quan tâm đến Hội nghị người lao động và đối thoại định kỳ theo quy định của Nghị định số 60/2013/NĐ-CP về quy định thực hiện quy chế dân chủ trong các doanh nghiệp.

#### **\* Nguyên nhân của những bất cập**

- Những khó khăn bất cập nêu trên chủ yếu do nguyên nhân chủ quan là hệ thống chính sách, pháp luật về CPH chưa đồng bộ, thống nhất làm nảy sinh những vướng mắc, thiệt thòi cho người lao động trong quá trình thực hiện CPH DNNN.

- Việc tổ chức thực hiện và thể chế hoá các chủ trương của Đảng có mặt còn chậm, chưa phù hợp và cụ thể. Tỉnh có giai đoạn chưa thật sự sát sao, quyết liệt trong chỉ đạo và triển khai thực hiện phương án sắp xếp, CPH DNNN.

- Việc định giá DNNN để tiến hành CPH còn nhiều bất cập, nhất là giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê đất. Việc định giá thương hiệu, lợi thế kinh doanh, xác định giá bán cổ phiếu lần đầu do năng lực của các tổ chức còn hạn chế..

- Đối với cổ phần hóa Đơn vị sự nghiệp công lập: Quy định về CPH đơn vị sự nghiệp công lập đang được áp dụng là Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên quy định này có dẫn chiếu một số điều khoản của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP (đã hết hiệu lực và bị thay thế bởi Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

- Theo quy định tại Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020, nhiều doanh nghiệp / đơn vị được nhà nước nắm giữ tỷ lệ còn cao sau CPH dẫn đến doanh nghiệp sau CPH chưa tạo được những bước đột phá mới về công nghệ và sản xuất do duy trì phương thức sản xuất cũ.

- Theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, việc bán cổ “Việc tổ chức bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi CPH theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ”, như vậy đối với các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ tỷ lệ không quá 50% vốn điều lệ sẽ không có nhà đầu tư chiến lược trong đợt bán cổ phần lần đầu.

- Hoạt động thực tế của Công đoàn tại các doanh nghiệp sau CPH mang tính chất hình thức / tượng trưng, chưa thể hiện được vai trò bảo vệ quyền lợi người lao động thực sự. Bộ máy lãnh đạo công đoàn sau CPH hầu hết có sự chỉ định từ Ban lãnh đạo doanh nghiệp, do đó vai trò thực tế còn nhiều hạn chế.

- Nhiều DNNN CPH nhưng chưa thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch dẫn đến hiệu quả CPH chưa cao.

- Nhà đầu tư chiến lược sau khi mua cổ phần gây ảnh hưởng lên Bộ máy lãnh đạo doanh nghiệp sau CPH, dẫn đến phương án CPH sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần không được thực hiện đầy đủ.

## **Tổng kết chương 2**

Trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng của pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị, có thể nhận thấy, trong thời gian qua, các quy định pháp luật về CPH DNNN đã góp phần không nhỏ trong quá trình áp dụng và tổ chức triển khai thực việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các DNNN. Hệ thống văn bản, chính sách của Nhà nước ban hành về CPH DNNN đã dần dần hoàn thiện, tỉnh Quảng Trị cơ bản đã áp dụng cho phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Trong đó, khẳng định những ảnh hưởng tích cực của CPH DNNN, xác định CPH là một xu thế tất yếu, là giải pháp mang tính đột phá nhằm chuyển đổi DNNN từ đơn sở hữu sang đa sở hữu. Những chuyển biến trên đã thể hiện rõ ở một số doanh nghiệp đã tiến hành CPH biểu hiện qua hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp CPH trên tất cả các chỉ tiêu chủ yếu về vốn, doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách, số lượng và thu nhập của người lao động... Bên cạnh đó, tác giả cũng đã chỉ rõ những tồn tại, bất cập trong quá trình CPH các DNNN trực thuộc tỉnh như tốc độ CPH còn chậm, thời gian CPH còn dài; Nhà nước còn chiếm giữ nhiều cổ phần chi phối; CPH có sự thành công bước đầu nhưng còn chậm... Tác giả cũng đã chỉ rõ những vướng mắc bất cập và nguyên nhân của những bất cập. Đây chính là cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị góp phần thúc đẩy quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả các DNNN sẽ được trình bày ở chương 3.

### **CHƯƠNG 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG, MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN**

#### **3.1.1. Quan điểm của Đảng và Chính quyền địa phương về công tác CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Kết luận số 50-KL/TW ngày 29/10/2012<sup>7</sup> về Đề án “Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước”. Trong đó, Đảng ta đã quán triệt tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung 3, Nghị quyết Trung ương 9 (Khoa IX), Nghị quyết Đại hội lần thứ XI và các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN phù hợp với bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập Quốc tế của nước ta ngày càng đi vào chiều sâu.

Luật Doanh nghiệp năm 2014, theo đó DNNN là 100% vốn Nhà nước, thay vì từ 51% trở lên như trước đây. Quy định này sẽ tạo động lực cho tiến trình cải cách DNNN ở Việt Nam do nó sẽ tạo ra các khuôn khổ pháp lý mới để các doanh nghiệp này tự chủ hơn trước.

UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch về sắp xếp, CPH các DNNN, trong đó đã cụ thể hoá các giải pháp đẩy mạnh CPH, thoái vốn nhà nước tại các DNNN.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng đối với việc sắp xếp, CPH DNNN; đổi mới và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong DNNN. Hệ thống văn bản ban hành phải đảm bảo thống nhất giữa chính sách của Trung ương và chính sách của tỉnh Quảng Trị.

Đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo và thực hiện CPH, quá trình CPH DNNN phải được các cấp lãnh đạo thực hiện theo sự chỉ đạo chung, thống nhất, tránh tình trạng không công bằng giữa các DNNN cũng như gây các tổn thất, lãng phí cho Nhà nước và doanh nghiệp.

Xác định cơ chế pháp lý hấp dẫn đối với người lao động, thực tế cho thấy người lao động là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của quá trình CPH ở nước ta. Do đó, cần có một cơ chế hấp dẫn đối với người lao động để họ không lo ngại về việc làm, thu nhập và quyền lợi.

CPH DNNN phải đảm bảo tính hiệu quả, đó là tính chính xác trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, không làm thất thoát tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh và làm giảm thu nhập cho người lao động.

Việc xác định rõ đối tượng và hình thức CPH phải đảm bảo thực hiện mục tiêu CPH mà không làm ảnh hưởng đến chiến lược phát triển chung của đất nước, trong đó có các doanh nghiệp. Vấn đề quyết định là loại hình doanh nghiệp nào phải tiến hành CPH, trong một doanh nghiệp thì cần CPH toàn bộ, hay bộ phận. Khi lựa chọn hình thức CPH phải tính đến một số yếu tố:

---

<sup>7</sup> Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Kết luận số 50/Kl-TW ngày 29/10/2012 “về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước”.



*Thứ nhất*, việc CPH DNNN cần xem xét đến chiến lược phát triển kinh tế chung của đất nước, của doanh nghiệp về các mặt quy mô, thị trường, sản phẩm và mối quan hệ giữa các doanh nghiệp thực hiện CPH với các chiến lược phát triển đó.

*Thứ hai*, dự đoán tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau CPH có khả năng tiến triển tốt hơn hay không.

*Thứ ba*, phải tính đến khả năng thực thi của phương pháp CPH để tránh những tổn thất không đáng có.

### **.3.1.2. Mục tiêu, định hướng về CPH DNNN của tỉnh Quảng Trị:**

Theo Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển DN (2016), Chính phủ tiếp tục quyết liệt công tác sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả DNNN trong giai đoạn 2016-2020.<sup>8</sup>

Mục tiêu: Doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối cần thực hiện CPH, thoái vốn Nhà nước theo cơ chế thị trường; bảo đảm công khai, minh bạch, có hiệu quả, tránh thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước.

Nhiệm vụ đặt ra là bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý DNNN, đồng thời với việc mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của DN; tạo hành lang pháp lý và thúc đẩy sắp xếp, đổi mới DNNN; thực hiện tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là TĐKT, TCT Nhà nước một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề SXKD đến chiến lược phát triển, đầu tư, thị trường và sản phẩm; tái cơ cấu DNNN trong cả nước theo ngành, lĩnh vực không phân biệt cấp, cơ quan quản lý; đẩy mạnh CPH DN 100% vốn Nhà nước; thoái vốn Nhà nước đã đầu tư ra ngoài ngành, nghề kinh doanh chính hoặc không liên quan trực tiếp đến ngành, nghề kinh doanh chính và vốn Nhà nước ở CTCP có dưới 50% vốn Nhà nước; áp dụng chế độ quản trị tiên tiến phù hợp với KTTT; thực hiện chế độ kiểm toán và tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ, công khai, minh bạch của chủ sở hữu Nhà nước đối với DNNN; sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị.

Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Trị phấn đấu hoàn thành CPH DNNN trực thuộc, trong đó tập trung hướng dẫn doanh nghiệp trong diện sắp xếp, CPH thực hiện các bước theo quy trình, đảm bảo chất lượng công việc và thời gian đúng tiến độ theo quy định.

Tỉnh cũng yêu cầu các doanh nghiệp tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc phù hợp với năng lực quản lý, giám sát, nâng cao năng lực quản lý DNNN theo hướng phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ Quốc tế; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

Ngoài ra, UBND tỉnh cũng tiếp tục rà soát, bổ sung danh sách các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, CPH theo tiêu chí, danh mục phân loại DNNN. Yêu cầu các công ty nhà nước thuộc tỉnh có kế hoạch triển khai thực hiện các nội dung sắp xếp, CPH đã được phê duyệt.

---

<sup>8</sup> Chính phủ (2016), Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN trong quá trình cổ phần hóa**

#### **3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN**

##### **3.2.1.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về CPH DNNN và thoái vốn nhà nước**

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật, ban hành các Nghị định sửa đổi, bổ sung các qui định có liên quan đến tổ chức, hoạt động của DNNN và tái cơ cấu, CPH DNNN cho phù hợp với các luật mới được ban hành (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào SXKD tại DN) và yêu cầu thực tiễn.

Trước hết là phải xây dựng được Luật về CPH hoặc có thể là pháp lệnh. Trong thời gian đến các bộ, ngành tập trung tham mưu, đề xuất công tác hoàn thiện thể chế về CPH DNNN, cụ thể là:

- Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung các qui định về chuyển DN 100% vốn Nhà nước thành CTCP và thoái vốn Nhà nước tại DN.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ: Đề án thành lập cơ quan chuyên trách thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với DNNN và vốn Nhà nước tại DN; Đề án tiếp tục sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN để Ban Cán sự Đảng Chính phủ xem xét trình Trung ương; tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập và danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành CTCP.

Về CPH DNNN, cần tập trung vào một số nội dung:

*Thứ nhất*, đối với CPH đơn vị sự nghiệp công lập, Chính phủ cần sớm ban hành văn bản thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/06/2015 để đồng bộ với các quy định mới phù hợp với các quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ - CP.

*Thứ hai*, Chính phủ cần mạnh dạn thoái vốn hết ra khỏi các ngành nghề không cần thiết nắm giữ, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ sở hữu Nhà nước cần xuống mức đủ để thay đổi hoạt động quản trị doanh nghiệp một cách thực chất.

*Thứ ba*, DNNN và các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi CPH tuân thủ chính sách pháp luật Nhà nước về CPH gắn liền với niêm yết, quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết.

*Thứ tư*, Văn bản quy phạm pháp luật về CPH cần nêu rõ trách nhiệm và chế tài đối với nhà đầu tư chiến lược vi phạm cam kết trong đợt mua cổ phần của DNNN CPH.

Để thực hiện thoái vốn Nhà nước, Chính phủ cần tiến hành:

*Một là*, sửa đổi bổ sung qui định DNNN không được góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất (giá trị lợi thế quyền thuê đất của Nhà nước) để tránh tình trạng lách luật dưới hình thức thành lập liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh với đối tác, không bỏ tiền, tài sản nhưng đánh giá giá trị lợi thế quyền thuê đất để góp vốn rồi thoái vốn cho đối tác, thực chất là chuyển nhượng đất thuê của Nhà nước.

*Hai là*, qui định cụ thể về nguyên tắc đặt lệnh khi thoái vốn Nhà nước (loại lệnh, giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, khối lượng đối với từng bước giá) nhằm tránh thoái vốn tùy tiện ở mức thấp, không bảo đảm tính hiệu quả.

*Ba là, kiên quyết thoái vốn ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và những lĩnh vực Nhà nước không cần giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối.*

*Bốn là, ban hành qui định về bán toàn bộ DNNN (bao gồm cả TĐKT, TCT Nhà nước).*

*Năm là, hoàn thiện pháp luật về xác định giá trị của doanh nghiệp khi tiến hành CPH.*

### **3.2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.**

#### **3.2.2.1. Giải pháp tạo lập tiền đề cần thiết cho CPH**

##### **+ Công tác tư tưởng, tuyên truyền**

Việc tuyên truyền, vận động, thuyết phục để tạo ra sự ủng hộ chủ trương CPH DNNN trước tiên cần được thực hiện với đội ngũ cán bộ quản lý của doanh nghiệp, sau đó mới triển khai đến người lao động khác. Khi làm công tác tư tưởng, vận động người lao động và cán bộ quản lý, cần làm rõ để họ hiểu rằng nếu không thực hiện được các giải pháp này, doanh nghiệp cũng phải xử lý theo các phương án bất lợi hơn cho họ (như sáp nhập, giải thể).

##### **+ Tăng cường cải cách hành chính**

Tăng cường củng cố vai trò, năng lực của cán bộ Ban Đổi mới và Tổ công tác giúp việc, có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến môi trường, điều kiện, yêu cầu CPH DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Thay mặt UBND tỉnh triển khai các hoạt động liên quan tới việc CPH DNNN như kiểm kê, phân loại tài sản, định giá doanh nghiệp, quyết toán sổ sách, giới thiệu các chuyên gia có kinh nghiệm để giúp hoặc trực tiếp đảm nhận công tác quản lý sau khi CPH.

- Tiếp tục tăng cường vai trò hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp trong diện CPH đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Trong trường hợp doanh nghiệp không tự tổ chức sắp xếp, đổi mới được thì tham mưu với Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh để thay mặt UBND tỉnh chủ trì việc CPH DNNN.

**Sở Tài chính** (Phòng quản lý doanh nghiệp): - Kiểm tra báo cáo tài chính của doanh nghiệp đến thời điểm CPH;

- Hướng dẫn các doanh nghiệp lập Hồ sơ giao-nhận tài sản, công nợ, tiền vốn đến thời điểm CPH;

- Chủ trì cùng Tổ công tác giúp việc BDM & PTDN tỉnh hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và thẩm định phương án tài chính (bao gồm cả xử lý tồn tại về tài chính);

- Chỉ đạo doanh nghiệp thuộc diện CPH xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, tài chính, lao động theo hướng dẫn của các ngành; kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp trong thực hiện CPH;

**Sở Nội vụ:** tham mưu việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Sở Nội vụ cũng chủ động đề xuất phương án sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý của DNNN sau CPH.

**Sở Kế hoạch & Đầu tư:** hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và chủ trì thẩm định phương án sản xuất kinh doanh sau CPH, sau đó gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

**Sở Tài nguyên và Môi trường:** cần tham mưu kịp thời cho lãnh đạo địa phương xác định kế hoạch sử dụng đất của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa để bảo đảm tiến độ.

**Sở Lao động TB&XH:** là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực lao động, việc làm vì vậy được giao chủ trì, hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng và thẩm định phương án lao động (bao gồm cả xử lý phương án lao động dôi dư), sau đó gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

**Cục thuế:** Là cơ quan chuyên môn theo dõi thu nộp ngân sách hằng năm của doanh nghiệp, có trách nhiệm kiểm tra quyết toán thuế của doanh nghiệp đến thời điểm CPH.

**Các doanh nghiệp thuộc diện CPH:** Theo quy định, doanh nghiệp cổ phần hóa không phải điều chỉnh lại sổ sách kế toán như trước đây nên buộc phải xử lý tài chính, lập phương án xử lý đất đai trước khi xác định giá trị doanh nghiệp và quá trình này tốn khá nhiều thời gian.

Tổ chức kiểm kê tài sản, đất đai, cơ sở vật chất, vật tư hàng hoá, tiền vốn, quỹ, lao động, công nợ... (kèm theo hồ sơ có liên quan) để bàn giao nguyên trạng cho CTCP theo quy định của Nhà nước.

**Ban Đối mới & PTDN tỉnh:** là cơ quan đại diện cho UBND tỉnh, có trách nhiệm: Thẩm định và phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh sau CPH, phương án tài chính, xử lý lao động, phát hành cổ phần lần đầu.

#### *3.2.2.2. Giải pháp về phía doanh nghiệp*

- + Giải pháp tìm kiếm, thu hút, lựa chọn cổ đông chiến lược đúng đắn
- + Giải pháp về tổ chức và quản lý của DNNN sau cổ phần hóa
- + Giải pháp cải thiện điều kiện và nguồn lực tốt hơn
- + Các giải pháp khác

### **3.3. Kiến nghị**

#### **3.3.1. Kiến nghị về pháp luật về CPH DNNN**

Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu, CPH DNNN. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế định giá quyền sử dụng đất, tài sản hữu hình, vô hình trong CPH.

#### **3.3.2. Kiến nghị đối với Tỉnh uỷ, Ban cán Đảng Uỷ ban Nhân dân Tỉnh:**

Kiến nghị Tỉnh uỷ tiếp tục chỉ đạo Ban cán sự Đảng Uỷ ban Nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, chỉ thị về việc đẩy mạnh CPH DNNN theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

Có chế tài mạnh đối với Lãnh đạo doanh nghiệp cố tình trì hoãn việc CPH; đồng thời quy trách nhiệm rõ ràng đối với từng sở, ngành, thành viên Ban Đối mới và Phát triển Doanh nghiệp tỉnh trong quá trình CPH.

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Kế hoạch CPH DNNN đã được phê duyệt; kịp thời có các chính sách giải quyết những khó khăn, vướng mắc nảy sinh để đẩy nhanh tiến trình CPH.

#### **3.3.3. Kiến nghị đối với các DNNN**

Doanh nghiệp phải phối hợp với Sở LĐTB&XH chủ động xây dựng phương án giải quyết lao động dôi dư trên cơ sở Đề án CPH doanh nghiệp.

Tuyên truyền phổ biến về chủ trương, chính sách của Nhà nước về CPH và lao động dôi dư của doanh nghiệp; giải thích rõ với người lao động là việc tái cơ cấu lại DNNN tất yếu dẫn đến lao động dôi dư và chính sách Nhà nước trợ cấp cho từng lao động.

### **Tổng kết chương 3**

Từ kết quả nghiên cứu lý luận ở chương 1, thực trạng áp dụng pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị ở chương 2, chúng tôi nêu lên được một số quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về mục tiêu, định hướng CPH của tỉnh là phấn đấu hoàn thành CPH DNNN trực thuộc; yêu cầu các doanh nghiệp tổ chức sắp xếp và tái cấu trúc với năng lực quản lý, giám sát và năng lực quản trị DNNN theo hướng phù hợp với nguyên tắc thông lệ Quốc tế; tiếp tục rà soát, bổ sung đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật về cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình cổ phần hóa và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị. Luận văn cũng đã đưa ra những kiến nghị đề xuất đối với các cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp, công ty thực hiện sắp xếp, đổi mới, CPH DNNN.

## KẾT LUẬN

CPH DNNN là công tác luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế và hướng tới xây dựng một nền dân chủ thực sự là của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân và hướng tới Nhân dân.

Khi nền kinh tế chuyển sang thời kỳ hội nhập, DNNN càng bộc lộ nhiều yếu kém, hiệu quả sản xuất kinh doanh của DNNN không cao và ngày càng bộc lộ nhiều nhược điểm. Hiện nay, hội nhập kinh tế là một quá trình đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, nó có ảnh hưởng tới hầu hết các Quốc gia.

Thực tiễn hơn 25 năm thực hiện CPH DNNN ở nước ta đã chứng minh đó là một chủ trương đúng đắn và cần được và cần phải được chú trọng trong thời gian tới. Về mặt lý thuyết DNNN là một bộ phận trong thành phần kinh tế Nhà nước.

Việc sắp xếp, đổi mới, CPH DNNN là nhằm trực tiếp nâng cao hiệu quả của DNNN, bảo đảm DNNN làm tốt nhiệm vụ nòng cốt, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và qua đó, phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế khác. Qua CPH, DNNN đã trở thành doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động; huy động thêm nguồn vốn của xã hội vào sản xuất kinh doanh hiệu quả; sức cạnh tranh và khả năng hội nhập của doanh nghiệp được nâng lên. Thực tiễn khẳng định, CPH đã trở thành giải pháp quan trọng, chủ yếu để cơ cấu lại, đổi mới cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN.

Nhiệm vụ đặt ra là tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật về CPH DNNN, thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty Nhà nước một cách toàn diện; đẩy mạnh CPH, thoái vốn Nhà nước; đổi mới quản trị doanh nghiệp, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với DNNN; sắp xếp đổi mới công ty nông, lâm nghiệp.

Quá trình CPH DNNN qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, cơ bản vẫn là quá trình khép kín. Nhà nước vẫn nắm giữ phần lớn cổ phần, bộ máy quản lý vẫn như cũ, vẫn đội ngũ lao động cũ với trình độ chuyên môn thấp, khả năng tiếp cận công nghệ kém, thực chất nhiều doanh nghiệp chỉ là “bình mới - rượu cũ”.

Luận văn tập trung nghiên cứu hệ thống pháp luật về CPH DNNN qua thực tiễn tại áp dụng tại tỉnh Quảng Trị. Việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn CPH các DNNN tại tỉnh Quảng Trị để từ đó, đưa ra những định hướng và giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về CPH DNNN đồng thời đề xuất những kiến nghị đối với các cấp các ngành, doanh nghiệp Nhà nước về việc tổ chức thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhằm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với sự cố gắng, quyết tâm cao và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhất định công tác CPH các DNNN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thời gian tới sẽ có những thay đổi tích cực, hiệu lực, hiệu quả được nâng cao, những hạn chế, bất cập trong công tác này được khắc phục cơ bản, đáp ứng được mục tiêu CPH các DNNN góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVI đã đề ra./.